

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 25 THÁNG 08 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

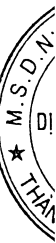
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
VÀ CHUYÊN GIA**

R REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
4. Kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 34



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia theo Quyết định số 6427/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301339815 thay đổi lần thứ 6 ngày 02 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 92.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 635A Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại : +84 (08) 3822 7229

Fax : +84 (08) 3822 7238

▪ Chi nhánh

Địa chỉ : Số 51A Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Chi nhánh tại Vĩnh Long là đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia.
- Xuất khẩu thực phẩm.
- Lữ hành trong nước, lữ hành quốc tế.
- Xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài để cung cấp cho người lao động Việt Nam ở nước ngoài.
- Tư vấn du học.
- Dịch vụ dịch thuật, dịch tài liệu, sách báo.
- Phiên dịch.
- Gia công may da, vải simili, lều bạt, nệm xe hơi.
- Mua bán nông – hải sản, thực phẩm, phụ tùng xe ô tô, hàng điện, điện tử, xe hơi, kim khí điện máy.
- Đại lý bán vé máy bay

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị cho đến thời điểm lập Báo cáo này là:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mai Thanh Thanh	Chủ tịch	21/10/2015
Bà Huỳnh Thị Hoa	Phó chủ tịch	23/06/2015
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	23/06/2015
Ông Phạm Nguyễn Thiên Du	Thành viên	23/06/2015
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	23/06/2015

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Phan Thị Minh Huyền	Trưởng ban	23/06/2015
Ông Hoàng Mạnh Thường	Thành viên	23/06/2015

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Tổng giám đốc	23/06/2015
Ông Phan Vũ Tuấn	Phó tổng giám đốc	30/06/2015
Bà Huỳnh Thị Hoa	Phó tổng giám đốc	30/06/2015
Bà Lê Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	06/09/2015

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Thanh Thanh (bổ nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2015).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 34.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn kế toán trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị và các thành viên của Ban Điều hành Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

TM. Hội đồng quản trị



MAI THANH THANH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2209/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ
CHUYÊN GIA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập vào ngày 30 tháng 03 năm 2016, từ trang 08 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như thuyết minh báo cáo tài chính mục số IV.20, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia chưa quyết toán vốn Nhà nước và bàn giao số liệu qua Công ty cổ phần.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 24 tháng 08 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 1523-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Ths. Đào Vũ Thiên Long – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 1739-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	24/08/2015
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.050.775.996	75.000.226.824
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	15.637.919.511	42.544.378.513
111	1. Tiền		15.637.919.511	42.544.378.513
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.576.063.396	30.576.063.396
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.576.063.396	30.576.063.396
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.198.701.294	1.870.675.584
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	5.789.770.920	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	126.266.800	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.282.663.574	1.870.675.584
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		638.091.795	9.109.331
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6	414.713.647	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		223.378.148	9.109.331
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		95.925.378.751	52.499.231.177
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		39.836.997.500	530.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.5	39.836.997.500	530.000.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		32.252.976.745	32.724.532.791
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	32.157.936.743	32.648.388.346
222	- Nguyên giá		45.425.875.294	45.249.382.028
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.267.938.551)	(12.600.993.682)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	95.040.002	76.144.445
228	- Nguyên giá		128.350.000	97.900.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.309.998)	(21.755.555)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		23.835.404.506	19.244.698.386
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6	23.835.404.506	19.244.698.386
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		130.976.154.747	127.499.458.001

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia

Địa chỉ: 635A Nguyễn Trãi, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	24/08/2015
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		38.870.228.788	35.499.458.001
310	I. Nợ ngắn hạn		29.560.450.362	26.350.890.190
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	20.301.676	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	1.329.946.249	1.207.607.261
314	4. Phải trả người lao động		2.974.547.112	2.275.272.436
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		481.959.242	185.801.351
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.11	20.684.273.841	18.624.556.452
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.12	4.069.422.242	4.057.652.690
330	II. Nợ dài hạn		9.309.778.426	9.148.567.811
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.11	9.309.778.426	9.148.567.811
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		92.105.925.959	92.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.13	92.105.925.959	92.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		92.000.000.000	92.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		92.000.000.000	92.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		23.539.102	-
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.386.857	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		82.386.857	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		130.976.154.747	127.499.458.001

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



ĐẶNG VÕ THÙY TÂM

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THU TRANG

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI THANH THANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	10.244.637.409	43.074.255.967
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		46.575.457	249.660.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.198.061.952	42.824.595.967
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	4.108.875.645	37.889.921.584
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.089.186.307	4.934.674.383
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	493.799.774	5.594.393.510
22	7. Chi phí tài chính		18.612.059	66.600.559
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng	VI.4	2.095.780.954	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	4.263.019.584	5.965.542.195
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		205.573.484	4.496.925.139
31	11. Thu nhập khác		-	943.564.729
32	12. Chi phí khác		-	266.922
40	13. Lợi nhuận khác		-	943.297.807
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		205.573.484	5.440.222.946
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	87.877.973	1.180.767.180
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		117.695.511	4.259.455.766
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		12	-

Người lập biểu



ĐẶNG VÕ THỦY TÂM

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THU TRANG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Chủ tịch Hội đồng quản trị




MAI THANH THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4.982.999.526	52.848.189.226
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(6.826.078.086)	(406.037.698)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(2.984.341.301)	(5.014.857.592)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(337.659.053)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.123.732.894	78.323.236.135
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47.231.460.028)	(215.243.663.016)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(46.935.146.995)	(89.830.791.998)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(206.943.266)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(12.000.000.000)	(576.063.396)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		253.616.486	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.046.673.220	(576.063.396)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(8.447.171.610)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(8.447.171.610)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(26.888.473.775)	(98.854.027.004)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42.544.378.513	141.089.673.457
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(17.985.227)	308.732.060
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	15.637.919.511	42.544.378.513

Người lập biểu



ĐẶNG VÕ THÙY TÂM

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THU TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI THANH THANH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, xuất khẩu lao động.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia.
- Xuất khẩu thực phẩm.
- Lữ hành trong nước, lữ hành quốc tế.
- Xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài để cung cấp cho người lao động Việt Nam ở nước ngoài.
- Tư vấn du học.
- Dịch vụ dịch thuật, dịch tài liệu, sách báo.
- Phiên dịch.
- Gia công may da, vải simili, lều bạt, nệm xe hơi.
- Mua bán nông – hải sản, thực phẩm, phụ tùng xe ô tô, hàng điện, điện tử, xe hơi, kim khí điện máy.
- Đại lý bán vé máy bay

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ kế toán cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước do thời điểm nhận được giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu là ngày 25 tháng 08 năm 2015 nên độ dài về kỳ so sánh không tương thích nhau. Kỳ trước là từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 24 tháng 08 năm 2015 nên chỉ có giá trị tham khảo.

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Các qui định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính của Công ty như sau:

- Tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 67 nhân viên đang làm việc (Ngày 24 tháng 08 năm 2015: 53 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty khi chuyển thành Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Công ty có 1 đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại Vĩnh Long.
- Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của toàn Công ty.

2. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Tỷ giá mua: 22.450 VNĐ/USD; 185,95 VNĐ/JPY)
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Tỷ giá bán: 22.540 VNĐ/USD; 187,86 VNĐ/EUR)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản thẩm tra xác định doanh nghiệp tại thời điểm ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
Máy móc và thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.

• Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.

- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản Công ty có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do

đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của đơn vị chủ yếu là Doanh thu dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia; Doanh thu đại lý vé máy bay.

Doanh thu được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ và được chấp nhận thanh toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu trong năm bao gồm các giảm giá hàng bán.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Nguyên tắc kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

▪ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi do bán ngoại tệ, lãi tỷ giá hối đoái và hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

▪ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí tài chính ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Điều chỉnh theo TT200</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
	<u>(1)</u>	<u>(2)</u>	<u>(3)</u>	<u>(2)+(3)</u>
Bảng cân đối kế toán				
- Tiền	111	73.120.441.909	(30.576.063.396)	42.544.378.513
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	30.576.063.396	30.576.063.396

20. Thông tin khác

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia chưa quyết toán vốn Nhà nước và bàn giao số liệu qua Công ty cổ phần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015		24/08/2015	
	VNĐ	Ngoại tệ	VNĐ	Ngoại tệ
Tiền mặt	1.520.851.616		375.393.828	1.229.083,00
VNĐ	1.520.851.616	-	146.219.012	-
JPY	-	-	229.174.816	1.229.083,00
Tiền gửi ngân hàng (*)	14.117.067.895	2.866.419,20	42.168.984.685	17.801.599,07
VNĐ	13.532.667.365	-	36.402.682.596	-
USD	51.819.090	2.308,20	2.467.464.075	109.665,07
JPY	532.581.440	2.864.111,00	3.298.838.014	17.691.934,00
Tiền đang chuyển	-	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Cộng	15.637.919.511	2.866.419,20	42.544.378.513	19.030.682,07

(*) Trong đó khoản tiền không được sử dụng là: 9.309.778.426 VNĐ. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để ký quỹ bảo lãnh hợp đồng xuất khẩu của tu nghiệp sinh và người lao động đi xuất khẩu.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		24/08/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	10.576.063.396	10.576.063.396	30.576.063.396	30.576.063.396
Tiền gửi có kỳ hạn	10.576.063.396	10.576.063.396	30.576.063.396	30.576.063.396
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	10.576.063.396	10.576.063.396	30.576.063.396	30.576.063.396

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	24/08/2015
Phải thu các bên liên quan	-	-
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	5.000.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác	5.789.770.920	-
Các khách hàng khác	789.770.920	-
Cộng	5.789.770.920	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	24/08/2015
Trả trước các bên liên quan	-	-
Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác	126.266.800	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán ASC	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	31.157.400	-
Công ty TNHH TM DV Hoàng Nhân Nghĩa	20.000.000	-
Công ty TNHH DV Du lịch Liên Lục Địa	18.109.400	-
Các nhà cung cấp khác	7.000.000	-
Cộng	126.266.800	-

5. Phải thu ngắn hạn khác

5.a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		24/08/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.282.663.574	-	1.870.075.584	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (*)	729.545.920	-	729.545.920	-
Phải thu về cổ phần hóa	493.580.850	-	493.580.850	-
Tạm ứng	499.250.084	-	80.090.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	560.286.720	-	566.858.814	-
Cộng	2.282.663.574	-	1.870.075.584	-

(*) Là khoản phải thu liên quan đến Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM do Công ty chưa quyết toán vốn Nhà nước.

5.b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015		24/08/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	39.836.997.500	-	530.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long (*)	39.460.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	376.997.500	-	530.000.000	-
Cộng	39.836.997.500	-	530.000.000	-

(*) Là khoản phải thu về Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT/SULECO-VL/2015 về hợp tác phát triển Văn phòng tuyển sinh và Dự án ký túc xá cho tu nghiệp sinh vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Vĩnh Long.

6. Chi phí trả trước

6.a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ
 Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	31/12/2015	24/08/2015
Số đầu kỳ	-	-
Phát sinh trong kỳ	621.960.032	-
Phân bổ trong kỳ	(207.246.385)	-
Số cuối kỳ	414.713.647	-

6.b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	24/08/2015
- Công cụ dụng cụ	1.041.832.888	601.609.359
- Chi phí sửa chữa	4.771.918.891	-
- Lợi thế kinh doanh (*)	18.021.652.727	18.643.089.027
	23.835.404.506	19.244.698.386

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản thẩm tra xác định doanh nghiệp ngày 04/11/2014 của Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia
Địa chỉ: 635A Nguyễn Trãi, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
1 ngyet minn dao cao tai chinn (nep ineo)
Cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>24/08/2015</u>
Số đầu kỳ	19.244.698.386	230.563.858
Phát sinh trong kỳ	6.447.741.573	19.244.698.386
Giảm khác trong kỳ (*)	(792.570.189)	-
Phân bổ trong kỳ	(1.064.465.264)	(230.563.858)
Số cuối kỳ	<u>23.835.404.506</u>	<u>19.244.698.386</u>

(*) Giảm khác trong kỳ là khoản điều chỉnh giảm Chi phí trả trước dài hạn sang Chi phí trả trước ngắn hạn theo thời gian phân bổ (từ dưới 12 tháng) và Tài sản cố định được hình thành trong Dự án Sửa chữa cải tạo Trường SULECO.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
25/08/2015	38.098.243.140	3.065.948.888	3.572.292.000	421.827.400	91.070.600	45.249.382.028
Tăng trong kỳ	176.493.266	-	-	-	-	176.493.266
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	176.493.266	-	-	-	-	176.493.266
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
31/12/2015	38.274.736.406	3.065.948.888	3.572.292.000	421.827.400	91.070.600	45.425.875.294
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	91.070.600	91.070.600
Giá trị hao mòn						
25/08/2015	9.716.092.953	637.479.186	1.917.718.670	238.632.273	91.070.600	12.600.993.682
Tăng trong kỳ	362.145.713	127.831.832	148.845.500	28.121.824	-	666.944.869
Khấu hao trong kỳ	362.145.713	127.831.832	148.845.500	28.121.824	-	666.944.869
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
31/12/2015	10.078.238.666	765.311.018	2.066.564.170	266.754.097	91.070.600	13.267.938.551
Giá trị còn lại						
25/08/2015	28.382.150.187	2.428.469.702	1.654.573.330	183.195.127	-	32.648.388.346
31/12/2015	28.196.497.740	2.300.637.870	1.505.727.830	155.073.303	-	32.157.936.743

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá		
25/08/2015	97.900.000	97.900.000
Tăng trong kỳ	30.450.000	30.450.000
Mua trong kỳ	30.450.000	30.450.000
Giảm trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
31/12/2015	128.350.000	128.350.000
Giá trị hao mòn		
25/08/2015	21.755.555	21.755.555
Tăng trong kỳ	11.554.443	11.554.443
Khấu hao trong kỳ	11.554.443	11.554.443
Giảm trong kỳ	-	-
31/12/2015	33.309.998	33.309.998
Giá trị còn lại		
25/08/2015	76.144.445	76.144.445
31/12/2015	95.040.002	95.040.002

9. Phải trả người bán ngắn hạn

Là khoản phải trả cho Công ty TNHH TM DV và Du lịch Trung Thiên.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	24/08/2015		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2015	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.048.767.180	-	87.877.973	-	1.136.645.153	-
Thuế thu nhập cá nhân	158.840.081	-	103.837.412	(69.376.397)	193.301.096	-
Cộng	1.207.607.261	-	191.715.385	(69.376.397)	1.329.946.249	-

11. Phải trả khác

11.a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>24/08/2015</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	20.684.273.841	18.624.556.452
Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	13.984.181.832	13.984.181.832
Công ty Cổ phần 101 (*)	2.000.000.000	-
Phải nộp lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	3.212.753.751	3.212.753.751
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.487.338.258	1.427.620.869
Cộng	<u>20.684.273.841</u>	<u>18.624.556.452</u>

(*) Là khoản tiền đặt cọc cho Hợp đồng số 68/2015 ngày 14 tháng 12 năm 2015

11.b. Phải trả dài hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>24/08/2015</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	9.309.778.426	9.148.567.811
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng	950.000.000	950.000.000
Ký quỹ của người lao động	7.594.147.500	7.594.147.500
Lãi tiền gửi đặt cọc ngân hàng của tu nghiệp sinh	551.153.832	420.553.790
Lãi tiền gửi ký quỹ của tu nghiệp sinh	214.477.094	183.866.521
Cộng	<u>9.309.778.426</u>	<u>9.148.567.811</u>

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>25/08/2015</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>31/12/2015</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.102.490.190	11.769.552	-	3.108.374.967
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	955.162.500	-	-	961.047.275
Cộng	<u>4.057.652.690</u>	<u>11.769.552</u>	<u>-</u>	<u>4.069.422.242</u>

13. Vốn chủ sở hữu

13.a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ này	92.000.000.000	-	-	92.000.000.000
-Tăng trong kỳ	-	23.539.102	82.386.857	105.925.959
-Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	92.000.000.000	23.539.102	82.386.857	92.105.925.959

13.b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	33.120.000.000	36,00%
Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước	23.000.000.000	25,00%
Nguyễn Thị Mai Hương	20.072.350.000	21,82%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông	13.000.000.000	14,13%
Nguyễn Hoàng Quân	1.200.000.000	1,30%
Cổ đông khác	1.607.650.000	1,75%
Cộng	92.000.000.000	100%

13.c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	92.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	92.000.000.000

13.d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>25/08/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.200.000	9.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.200.000	9.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.200.000	9.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.200.000	9.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.200.000	9.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu): 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015</u>
Doanh thu dịch vụ xuất khẩu lao động	4.175.900.072	43.074.255.967
Doanh thu dịch vụ khác	6.068.737.337	-
Cộng	<u>10.244.637.409</u>	<u>43.074.255.967</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015</u>
Giá vốn dịch vụ	3.914.475.645	37.889.921.584
Chi phí trích trước	194.400.000	-
Cộng	<u>4.108.875.645</u>	<u>37.889.921.584</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

4. Chi phí bán hàng

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
- Chi phí nhân viên	1.738.755.449	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.545.404	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.877.776	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.523.075	-
- Chi phí bằng tiền khác	32.079.250	-
	2.095.780.954	-

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
- Chi phí nhân viên quản lý	1.518.651.043	2.816.688.543
- Chi phí đồ dùng văn phòng	186.953.432	233.765.174
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.292.179	961.774.583
- Thuế, phí và lệ phí	1.300.000	50.677.040
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.563.450.491	1.236.262.311
- Chi phí bằng tiền khác	765.372.439	666.374.544
	4.263.019.584	5.965.542.195

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	205.573.484	5.440.222.946
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	193.871.849	-
+ Chi phí không hợp lệ	193.871.849	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		73.099.401
Thu nhập chịu thuế	399.445.333	5.367.123.545
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	399.445.333	5.367.123.545
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	87.877.973	1.180.767.180
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.877.973	1.180.767.180

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

7. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	117.695.511	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.769.552	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.200.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	-

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	9.200.000	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.200.000	-

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 24/08/2015
- Chi phí nhân công	4.060.393.103	39.148.332.916
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	678.989.572	961.774.583
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.172.972.538	2.509.818.296
- Chi phí khác	1.096.448.945	1.234.796.125
	8.008.804.158	43.854.721.920

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Khoản thu lãi và ký quỹ bảo lãnh hợp đồng xuất khẩu của tu nghiệp sinh và người lao động đi xuất khẩu. Công ty sẽ hoàn trả gốc và lãi cho tu nghiệp sinh khi đến hạn hợp đồng xuất khẩu.

	31/12/2015	24/08/2015
Giá trị các khoản tiền lãi và ký quỹ	9.309.778.426	9.148.567.811
Cộng	9.309.778.426	9.148.567.811

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan:

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



ĐẶNG VÕ THỦY TÂM

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THU TRANG

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI THANH THANH